

Bản án số 573/2024/DS-PT

Ngày 07/11/2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu
cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia
di sản thừa kế và hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12103/2024/QĐDS-PT ngày 23/10/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thúy D1, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu Phụng Hoàng T3, thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D2; địa chỉ: Trần Hưng Đ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Học T1, sinh năm 1959; địa chỉ: khu Phụng Hoàng T3, thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Phạm Trung T2, sinh năm 1957. Địa chỉ: tổ 2, phường Đồng B, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Ông Nguyễn Văn D2; địa chỉ: Số 546 Trần Hưng Đ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3.2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: khu Phụng Hoàng T3, thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T4 - Chức vụ: Trưởng phòng phòng Tài nguyên và Môi trường (*Giấy ủy quyền số 09/UQ-*

UBND ngày 07/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện Thanh M); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. UBND thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang H - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn Thanh M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, bà Phạm Thuý D1 là nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ bà Phạm Thuý D1 là cụ Phạm Ngọc T5, sinh năm 1924, chết năm 1982 và cụ Kim Thị T6, sinh năm 1924, chết năm 2006 có 05 người con, gồm: Ông Phạm Ngọc T7 (là liệt sĩ, ông T7 không có vợ và con), ông Phạm Trung T2, bà Phạm Thị L, ông Phạm Học T1, bà Phạm Thuý D1.

Sau khi chết, cụ T5 và cụ T6 đều không để lại di chúc. Hai cụ để lại tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 88, tờ bản đồ số 02, diện tích 536m² đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên cụ T5. Ngày 23/7/2020, các anh chị em của bà D1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của các cụ làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; văn bản được UBND thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương chứng thực. Theo văn bản này, thửa đất số 88 được chia thành 3 thửa đất, chia bà D1, ông T2 và ông T1 được hưởng. Các ông, bà đều đã được UBND huyện Thanh M cấp GCNQSDĐ. Sau đó, ông T2 tặng cho bà D1 thửa đất 135m² thuộc quyền sử dụng của ông T2 và đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bà D1 theo quy định pháp luật. Hiện nay, bà D1 là chủ sử dụng đất được cấp GCNQSDĐ của 02 thửa đất, cụ thể thửa số 204, diện tích 114m², thửa số 203, diện tích 135m².

Sau khi bà D1 nhận được GCNQSDĐ, đối với GCNQSDĐ của bà D1 được phân chia 114m², bà D1 không có ý kiến gì. Đối với phần đất được cấp GCNQSDĐ cho ông T1 và ông T2, bà D1 xác định việc phân chia không đúng theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế so với các trích đo, đo đạc trước khi cấp GCNQSDĐ, ông T1 được nhiều diện tích đất hơn so với thực tế mà đáng lẽ ông T1 được hưởng, phần đất của ông T2 được nhận thực tế là thiếu so với diện tích mà đáng lẽ ra ông T2 được nhận. Sau khi có văn bản thỏa thuận, việc đo đạc, xác định sai mốc giới, dẫn đến việc xác định vị trí công trình xây dựng hiện trạng của nhà ông T1 tại thời điểm đo đạc đo sai với thực tế ông T1 được hưởng. Từ đó, dẫn đến việc ra trích lục, bản đồ sai về diện tích so với nội dung mà các bên được hưởng theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; theo GCNQSDĐ diện tích đất của ông T2 được nhận ít hơn.

Bà D1 khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 lập tại UBND Thị Trấn Thanh M; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất 202, diện tích 264m²; thửa số 203, diện tích 135m² và thửa số 204, diện tích 114m². Đề nghị Tòa án phân chia lại di sản thừa kế của cụ T5 và cụ T6 tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2, diện tích 536m².

Theo bị đơn ông Phạm Học T1 trình bày: Bố mẹ ông T1 khi chết không để lại di chúc. Bố mẹ ông có để lại thửa đất số 88, diện tích 536m². Sau đó anh em ông đã họp gia đình và phân chia đất thành 03 thửa, chia cho 3 người gồm ông T2, ông T1 và bà D1 và đều được cấp GCNQSDĐ. Năm 2023, gia đình ông T1 đã xây dựng nhà 2 tầng trên phần đất ông được chia. Ông T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D1 về việc hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế

ngày 23/7/2020; hủy GCNQSDĐ và chia lại di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại. Thừa đất được cấp đứng tên một mình ông T1, là tài sản riêng của ông được thừa kế từ bố mẹ ông.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Trung T2 do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Thông nhất như phần trình bày của bà D1 về nhân thân, di sản của cụ T5 cụ T6 để lại. Di sản đã phân chia theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 lập tại UBND thị trấn Thanh M, đất đều đã được cấp GCNQSDĐ. Sau đó, ông T2 tặng cho bà Phạm Thuý D1 mảnh đất 135m² thuộc quyền sở hữu của ông T2 và đã được đăng ký sang tên bà D1 theo quy định pháp luật.

Về tranh chấp liên quan đến vụ án giữa bà D1 và ông T1, ông T2 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu Tòa án xét xử cho ông T2 được kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật đối với tài sản tranh chấp thì ông T2 tặng cho lại cho bà D1 kỷ phần thừa kế của mình.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày:

Thông nhất như phần trình bày của bà D1, ông T1 về nhân thân, di sản của cụ T5 và cụ T6 để lại. Di sản đã phân chia theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020. Các anh em trong gia đình đã phân chia, đất đã được cấp GCNQSDĐ. Khi đó, bà L đã tuyên bố từ chối nhận di sản thừa kế nên không có ý kiến gì. Nay, bà Phạm Thuý D1 khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế do bố mẹ để lại, bà vẫn từ chối nhận di sản thừa kế.

Theo quan điểm của UBND thị trấn Thanh M:

Về nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất bà D1 khởi kiện tranh chấp, theo hồ sơ đăng ký thực hiện Chỉ thị 299/CT-TTg và hồ sơ địa chính đo đạc năm 1991, thửa đất đứng tên chủ sử dụng ông Phạm Ngọc T5. Trên cơ sở nguồn gốc đăng ký đất đai ban đầu (*hồ sơ đăng ký thực hiện Chỉ thị 299/CT-TTg*) và bản đồ đo đạc đất dân cư, UBND thị trấn Thanh M đã tiến hành đăng ký cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn thị trấn, trong đó có đăng ký cấp GCNQSDĐ cho ông Phạm Ngọc T5. Ngày 03/11/1993, UBND tỉnh Hải Hưng cấp GCNQSDĐ số A 971679, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số 0365/QSDĐ, đã được UBND huyện Thanh M xác nhận trang 03 của GCNQSDĐ ngày 20/9/2001, chủ sử dụng đất là ông Phạm Ngọc T5, diện tích sử dụng 536m². Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và bản đồ đo vẽ năm 2008, xác định là thửa 51, diện tích 528,5m². Ngày 23/7/2020, các con của ông Phạm Ngọc T5 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại UBND thị trấn Thanh M, được UBND thị trấn Thanh M chứng thực. Căn cứ văn bản thỏa thuận trên, đoàn công tác của UBND thị trấn đã lập trích lục và đo vẽ, lập biên bản kiểm tra hồ sơ và hiện trạng đất đai ngày 01/8/2020, thể hiện thửa số 88 có diện tích là 513m², được phân tách thành 3 thửa, gồm thửa 202 diện tích 264m², thửa 203 diện tích 135m², và thửa 204 diện tích 114m². Ngày 04/01/2021, UBND huyện Thanh M đã cấp GCNQSDĐ cho ông T1, ông T2 và bà D1 được sử dụng tương ứng các thửa đất số 202, 203 và 204. Ngày 02/11/2021, ông T2 làm hợp đồng tặng cho bà Phạm Thuý D1 đối với thửa đất 203. Ngày 14/12/2021, UBND huyện Thanh M cấp GCNQSDĐ cho bà D1 đối với thửa 203.

UBND thị trấn Thanh M xác định về trình tự thủ tục chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020, số chứng thực 176, quyền số 01/2020-SCT/HĐ, giao dịch tại UBND thị trấn Thanh M được thực hiện đúng

theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D1, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phần diện tích đất tăng thêm ông T1 đang quản lý theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, diện tích đất ông T1 đang thực tế quản lý có hiện trạng đo vẽ là 284,4m² (theo GCNQSDĐ là 264m²). Địa phương xác định phần diện tích đất tăng thêm này là đất giao thông, thuộc quyền quản lý của địa phương, hiện phần diện tích đất này không có tranh chấp, trong trường hợp có quy hoạch, các hộ sẽ phải làm thủ tục kê khai, nộp nghĩa vụ tài chính với nhà nước để hợp pháp hóa, trường hợp không có quy hoạch thì đề nghị Tòa án buộc các đương sự phải trả lại cho địa phương theo quy định.

Theo quan điểm của UBND huyện Thanh M:

UBND huyện Thanh M cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất 202, 203 và 204, tờ bản đồ số 24 tại thị trấn Thanh M cho ông T1, ông T2 và bà D1 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D1, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, ông T1 đang quản lý sử dụng 284,4m² đất cùng toàn bộ nhà và công trình phụ trên đất; bà D1 đang quản lý sử dụng 248,4m² đất cùng công trình phụ trên đất; tổng diện tích là 532,8m². Theo kết quả định giá tài sản, quyền sử dụng đất ở có giá trị 12 triệu đồng/m²; quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm có giá trị 6 triệu đồng/m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 39, 147, 157 và 165, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 612, 649, 651, 656, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thuý D1 về việc đề nghị tuyên bố vô hiệu Văn bản phân chia thừa kế lập ngày 23/7/2020 đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thuý D1 về việc đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được UBND huyện Thanh M cấp giấy chứng nhận đối với các thửa đất: Thửa số 202, thửa số 203, thửa số 204, tờ bản đồ số 24; địa chỉ tại khu Phường H2, thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương, mang tên ông Phạm Học T1, ông Phạm Trung T2 và bà Phạm Thuý D1.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thuý D1 về việc chia di sản thừa kế của cụ T5 và cụ T6.

4. Tạm giao cho ông T1 tiếp tục sử dụng 20,4m² đất giao thông thuộc quyền quản lý của địa phương đến khi Nhà nước có chính sách, quyết định đối với phần đất này, ông T1 phải có nghĩa vụ chấp hành.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2024, nguyên đơn là bà Phạm Thuý D1 có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thuý D1 hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thuý D1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có kháng cáo, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thuý D1 yêu cầu: Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 lập tại UBND thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất 202, diện tích 264m²; thửa số 203, diện tích 135m² và thửa số 204, diện tích 114m². Đề nghị Tòa án phân chia lại di sản thừa kế của cụ T5 và cụ T6 tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2, diện tích 536m². Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 26, Điều 34, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623 Bộ luật Dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thuý D1:

[2.1] Xét yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 lập tại UBND thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất 202, diện tích 264m², thửa số 203, diện tích 135m² và thửa số 204, diện tích 114m² của bà Phạm Thuý D1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các đương sự đều thống nhất khẳng định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Phạm Ngọc T5 và cụ Kim Thị T6 để lại. Theo hồ sơ đăng ký thực hiện Chỉ thị 299/CT-TTg, hồ sơ địa chính đo đạc năm 1991 và sổ đăng ký đất đai thể hiện thửa đất của cụ T5 và cụ T6 có diện tích 536m², đăng ký sử dụng mang tên cụ Phạm Ngọc T5. Ngày 03/11/1993, UBND tỉnh Hải Hưng cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Phạm Ngọc T5, diện tích sử dụng 536m². Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và bản đồ do vẽ năm 2008 là thửa 51, diện tích 528,5m². Cụ Phạm Ngọc T5 chết năm 1982, cụ Kim Thị T6 chết năm 2006 đều không để lại di chúc. Ngày 23/7/2020, hàng thừa kế thứ nhất còn sống tại thời điểm mở thừa kế di sản của cụ T5 và cụ T6 gồm 04 người là ông Phạm Trung T2, bà Phạm Thị L, ông Phạm Học T1 và bà Phạm Thuý D1 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại UBND thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương để phân chia thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2, diện tích 536m² của cụ T5, cụ T6. Trong đó, bà Phạm Thị L đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của mình được hưởng, sau đó tặng lại cho ông Phạm Trung T2, ông Phạm Học T1 và bà Phạm Thuý D1 toàn quyền quản lý, sử dụng. Văn bản thỏa thuận có nội dung số liệu về hình thể, kích thước, diện tích các thửa đất được xác định cụ thể theo kết quả kiểm tra, đo đạc ngoài

thực địa của cơ quan có thẩm quyền. Ngày 01/8/2020, đoàn công tác của UBND thị trấn đã đo vẽ và lập trích lục, lập biên bản kiểm tra hồ sơ và hiện trạng đất thể hiện thửa số 88 có diện tích thực tế sử dụng là 513m², biên bản được các hàng thửa kế và các hộ giáp ranh xác định không có tranh chấp và ký xác nhận đồng ý với kết quả đo đạc. Ngày 04/01/2021, UBND huyện Thanh M cấp GCNQSDĐ cho ông Phạm Học T1 được sử dụng thửa đất số 202 diện tích 264m², ông Phạm Trung T2 được sử dụng thửa đất số 203 diện tích 135m² và bà Phạm Thuý D1 được sử dụng thửa đất số 204 diện tích 114m². Sau đó, ông T2 tặng cho bà D1 quyền sử dụng đất 135m². UBND huyện Thanh M đã cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thuý D1 đối với thửa đất số 203 diện tích 135m².

Xét thấy, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 23/7/2020 là đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự khẳng định nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 23/7/2020 là đúng ý chí, nguyện vọng của các đương sự và việc ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 23/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện. Thực tế, sau khi các bên ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 23/7/2020 thì ông Phạm Trung T2, ông Phạm Học T1 và bà Phạm Thuý D1 đã thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện Thanh M cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được phân chia. Vì vậy, yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 lập tại UBND thị trấn Thanh M, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất 202, diện tích 264 m²; thửa số 203, diện tích 135 m² và thửa số 204, diện tích 114m² của bà Phạm Thuý D1 là không có cơ sở chấp nhận.

Bà Phạm Thuý D1 khởi kiện cho rằng không đồng ý với kết quả đo đạc ngày 01/8/2020 của đoàn đo đạc vì không đo không đúng mốc giới dẫn đến diện tích đất của cụ T5, cụ T6 bị giảm 23m² so với GCNQSDĐ cụ T5, cụ T6 được cấp năm 1993. Từ đó cấp GCNQSDĐ cho ông T1, ông T2, bà D1 không đúng với diện tích đất theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 23/7/2020, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng đất ngày 01/8/2020, thể hiện diện tích hiện trạng sử dụng của thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2 là 513m² giảm 23m² so với GCNQSDĐ cấp cho cụ T5 năm 1993. Tuy nhiên, bà D1, ông T2, ông T1 và các hộ giáp ranh xác định thống nhất mốc giới rõ ràng, sử dụng ổn định không có tranh chấp và ký xác nhận đồng ý với kết quả đo đạc ngày 01/8/2020. Sau đó, không ai có khiếu nại, khiếu kiện gì với kết quả đo đạc. Nay bà D1 khởi kiện hủy các GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa 202, 203, 204 với lý do cấp không đúng diện tích là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với nội dung bà D1 cho rằng việc phân chia cho ông T1 được phần diện tích đất nhiều hơn ông T2 là không đúng với Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020, Hội đồng xét xử thấy: Tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 không thể hiện rõ phân chia cho ông T2, ông T1 được quyền sử dụng diện tích bao nhiêu, kích thước thửa đất được phân chia như thế nào. Tuy nhiên, trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 có nội dung “Số liệu về hình thể, kích thước, diện tích các thửa đất được xác định cụ thể theo kết quả kiểm tra, đo đạc ngoài thực địa của cơ quan có thẩm quyền”. Theo đó, ngày 01/8/2020, đoàn công tác của UBND thị trấn Thanh M đã tiến hành đo vẽ và lập trích lục, lập biên bản kiểm tra hồ sơ và hiện trạng đất đai đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 02. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa

đất có diện tích là 513m². Tại buổi làm việc có mặt bà D1, ông T2 và ông T1 cùng các hộ giáp ranh đất. Việc đo đạc, phân chia thửa đất theo chỉ dẫn của ông T1, ông T2, bà D1, theo đó: ông T1 được sử dụng 264m² phần diện tích trên đất có công trình, ông T2 được sử dụng 135m² phần đất không có công trình giáp phần của ông T1, còn bà D1 được sử dụng 114m² phần đất giáp phần của ông T2. Ông T2, bà D1 và ông T1 đã ký thống nhất với kết quả đo đạc và mốc giới tại Biên bản kiểm tra hiện trạng đất ngày 01/8/2020. Bà D1 cho rằng có ký vào Biên bản ngày 01/8/2020, nhưng do không đọc kỹ nên không biết được kích thước các cạnh và diện tích đất được phân chia là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi đoàn công tác UBND thị trấn Thanh M tiên hành đo đạc đã hướng dẫn các đương sự làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, bà D1 và ông T2 là người làm đơn xin kê khai đăng ký đối với phần đất được chia, ông T2 chỉ đăng ký xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 135m². Mặt khác, sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông T2 không có khiếu nại, khiếu kiện gì đối với diện tích đất được cấp. Do đó, bà D1 khởi kiện cho rằng việc trích đo diện tích đất ngày 01/8/2020 không đúng với Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu chia lại di sản thừa kế của cụ T5 và cụ T6 tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2, diện tích 536m²: Theo phân tích tại mục [2.1] thì thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2 đã được phân chia theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/7/2020 hợp pháp, đảm bảo quyền định đoạt của những người thừa kế (trong đó có bà D1) theo Điều 649, Điều 656, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2 không còn là di sản thừa kế nên yêu cầu của bà D1 về việc chia thừa kế đối với diện tích đất của cụ T5, cụ T6 tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2, diện tích 536m² đất là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm thì diện tích các thửa đất số 203 và 204 hiện do bà D1 quản lý là 248,4m² (theo giấy chứng nhận đã cấp đứng tên bà D1 là 135+114 = 249m²) là tương đối phù hợp; đối với thửa đất ông T1 đang thực tế sử dụng có hiện trạng đo vẽ là 284,4m²; tăng 20,4m² so với GCNQSDĐ đã cấp đứng tên ông T1. Theo xác minh tại UBND thị trấn Thanh M xác định phần đất dôi dư hiện ông T1 đang sử dụng là đất hành lang giao thông do UBND thị trấn Thanh M quản lý. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tạm giao cho ông T1 sử dụng 20,4m² đất giao thông thuộc quyền quản lý của địa phương đến khi Nhà Nước có chính sách quy hoạch đối với phần đất này, ông T1 phải có nghĩa vụ chấp hành là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bà Phạm Thuý D1 là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thuý D1.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Phạm Thuý D1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thuý D1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Tiến Dũng

Lê Thị Thuý Bình

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình